TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Như Học.

2. Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980 (xin vắng);

Bị đơn: Ông Nguyễn Khánh L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:*

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Khánh L kết hôn với nhau từ năm 2006, có tổ chức đám cưới gả

theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do ông L không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, mặc dù gia đình cha mẹ và bà T có khuyên can nhiều lần nhưng ông L vẫn không thay đổi. Từ đó ông L đã bỏ nhà đi và đi đâu không biết, bà T có gọi điện thoại cho ông L trao đổi về vấn đề ly hôn giữa bà T với ông L thì ông L nói Tòa án cứ xét xử vắng mặt đi vì ông không thể về được và ông sẽ đồng ý với yêu cầu của bà T, không có ý kiến gì. Xét thấy đời sống chung vợ chồng không thể duy trì và cũng không đạt được hạnh phúc nên bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Khánh L.

- Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Có 01 người con tên Nguyễn Khánh N, sinh năm 2008 (nam), hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu N tròn đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Khánh L được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà T. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông L không tham gia nên Tòa án không mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Khánh L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông L là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Khánh L kết hôn với nhau từ năm 2006, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 257 ngày 15 tháng 12 năm 2006. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà T và ông L được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, bà T xin ly hôn là do ông L không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không lo lắng cho vợ con và ông L đã bỏ nhà đi và đi đâu không biết, bà T có gọi điện thoại cho ông L trao đổi về vấn đề ly hôn giữa bà T với ông L thì ông L nói Tòa án cứ xét xử vắng mặt đi vì ông không thể về được và ông sẽ đồng ý với yêu cầu của bà T, không có ý kiến gì. Đồng thời, ông L đã được Tòa án triệu tập hòa giải hợp lệ, nhưng ông L vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy ông L không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa ông với bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Bà T được ly hôn với ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Khánh N, sinh năm 2008 (nam), từ khi ông L bỏ nhà đi cho đến nay thì Khánh N vẫn do bà T nuôi dưỡng và chăm sóc, cho nên khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu N thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 20/11/2008 (nam) cho bà T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Ông L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định pháp luật, do ông L vắng mặt nên không có ý kiến. Tại khoản 2 Điều 82

của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha mẹ không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng"*, do đó buộc ông L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

Mức cấp dưỡng, bà T không chứng minh được khả năng kinh tế của ông L và yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng không thấp hơn ½ mức lương cơ sở (lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng), do đó buộc ông L cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Trường hợp ông L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nói trên, thì ông L còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

[4] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà T phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

Án phí cấp dưỡng định kỳ không giá ngạch 300.000 đồng ông L phải chịu nộp án phí.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân

và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Khánh L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 20/11/2008 (nam).

Ông L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông L cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng 750.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Trường hợp ông L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nói trên, thì ông L còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

4. Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng bà T phải chịu nộp án phí, bà T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0016370 ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được khấu trừ, không phải nộp tiếp.

Án phí cấp dưỡng định kỳ không giá ngạch 300.000 đồng ông L phải chịu nộp.

"Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND thị trấn Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Vặn Tạo